

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số 51/2023/HNGĐ - ST

Ngày 24/11/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và bà Bùi Thị Ngọc Thùy .

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thề - Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên
tòa:*** Bà Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, Sinh năm: 1996;

Nơi cư trú hiện nay: Khu tập thể T, tổ 5, thị trấn Đông Hưng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh **Bùi Duy T**, Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt chị B, vắng mặt anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 18/7/2023 và trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ ngày 10/8/2013, đến ngày 10/3/2014 chị và anh T mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và Nguyên nhân do cả hai bất đồng quan điểm sống, anh T không tôn trọng chị, mọi việc anh làm không bao giờ bàn bạc với chị, chị đã góp ý nhưng anh T không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng nặng nề không còn ý nghĩa, anh T còn nghi ngờ chị không chung thủy. Do vậy tháng 5 năm 2023 chị đã làm đơn xin ly hôn với anh T, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải anh T xin lỗi hứa sửa chữa chị đã rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng sau khi chị rút đơn anh T vẫn không thay đổi, anh T vẫn không tu chí làm ăn và cũng chẳng quan tâm đến gia đình vợ con nên mặc dù rút đơn nhưng từ tháng 6 năm 2023 chị đã tự thuê nhà ở riêng và không chung sống cùng anh

T nữa, anh T có đến tìm chị nhưng chị không quay về. Đến nay chị đã mất niềm tin và không còn tình cảm với anh T nên chị kiên quyết xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Bùi Thị Minh A, sinh ngày 13/5/2014 và Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/11/2018. Hiện chị còn phải đi thuê nhà ở mỗi tháng mất 2.000.000 đ/tháng, chị làm công nhân thu nhập bấp bênh bình quân chỉ khoảng 5.000.000 – 7.000.000 đồng/tháng. Mặt khác con Minh A có nguyện vọng muốn ở với anh T chị không muốn tách hai con nhưng không thể nuôi cả hai con, nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị chỉ có thể hỗ trợ nuôi 02 con cùng anh T 1.000.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản .

Về nợ: Quá trình chung sống anh T có mở cửa hàng cơ khí và đi vay nợ để làm ăn nhưng chị không biết anh T vay những ai, chi tiêu những gì. Anh T không bao giờ bàn bạc với chị. Khi còn chung sống vợ chồng ăn chung với bố mẹ chồng, hàng tháng chị đi làm vẫn đóng góp cho bố mẹ chồng tiền chi tiêu sinh hoạt 3.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn chi phí tiền học hành và tiền sữa cho con, anh T không đưa tiền cho chị để chi tiêu sinh hoạt gia đình cũng không bao giờ bàn bạc với chị, nên các khoản nợ anh T khai vay để làm ăn chị đề nghị anh T tự vay thì phải tự có trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình tố tụng anh T trình bày: Anh nhất trí ý kiến chị B trình bày về thời gian điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã Đ, vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì, đến ngày 31/3/2023 vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn nhỏ vì tình cảm, do anh nghi ngờ chị B có tình cảm với người đàn ông khác và anh có một vài lời nói động chạm đến lòng tự ái của chị B, sau đó anh đã tìm hiểu kỹ nhưng không phải như vậy. Quá trình chung sống anh cũng nhận ra lỗi của mình và anh cũng đã xin lỗi chị B nhưng chị B không đồng ý. Đến tháng 5 năm 2023 chị B có làm đơn ly hôn đơn phương, Tòa án đã thụ lý và giải quyết đã gọi hai vợ chồng lên để hòa giải phân tích động viên nên chị B đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên sau khi rút đơn chị B không quay về chung sống cùng anh, chị B đã thuê nhà trọ ra ở riêng tại tổ 5, thị trấn Đông Hưng. Anh không muốn vợ chồng ly hôn nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị B trình bày. Hiện cả hai con đang ở cùng với anh T. Trường hợp chị B kiên quyết xin ly hôn, anh xin nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản: Hiện vợ chồng vẫn ở cùng với bố mẹ nên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống anh T có mở cửa hàng cơ khí để làm ăn vợ chồng đã vay mượn của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng 70.000.000 đồng, nhờ bố mẹ để anh là ông Bùi Duy Đ và bà Lê Thị M vay quỹ tín dụng Đ số tiền 70.000.000 đồng, vay anh Nguyễn Như T, 40.000.000 đồng nợ cửa hàng H

35.000.000 đồng, cửa hàng HTL 36.000.000 đồng, công ty kính T 13.000.000 đồng, cửa hàng H 26.000.000 đồng do làm ăn thua lỗ nên chưa trả được hết số nợ nên chị B quyết tâm ly hôn thì phải giải quyết xong công nợ mới giải quyết ly hôn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2023 ông Lê Duy Đ và bà Lê Thị M trình bày: Chị B, anh T kết hôn do tự tìm hiểu cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2022 do gia đình bên ngoài chị B ở Kiên Giang có công việc nên chị vào Kiên Giang một thời gian, sau khi xong việc chị về nhà thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị B tự ý thuê nhà ra ở riêng, anh T và gia đình đã đi tìm nhiều lần phân tích động viên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị B cố tình ly hôn gia đình không mong muốn nhưng phải chịu.

Vợ chồng anh T, chị B có 02 con chung là Bùi Thị Minh A, sinh ngày 13/5/2014 và Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/11/2018 hiện đang ở với anh T và gia đình ông. Do điều kiện hoàn cảnh của chị B khó khăn nên nếu vợ chồng phải ly hôn, ông Đ, bà M đề nghị giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng, gia đình ông Đ, bà M sẽ hỗ trợ anh T trong việc chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung: Hiện tại anh T, chị B còn ở chung với ông Đ, bà M không có tài sản chung. Thời gian chung sống vợ chồng ông Đ có đứng ra vay quỹ tín dụng cho anh T, chị B 100.000.000 đồng để làm ăn hiện anh T chưa trả nhưng ông Đ, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc liên quan kinh tế giữa gia đình ông và vợ chồng anh T còn anh T chị B có vay cá nhân của ai hay không ông Đ, bà M không biết. Gia đình ông đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng do công việc bận mải, mặt khác ông Đ, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc liên quan kinh tế với vợ chồng anh Đ nên ông Đ, bà M xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Như T đã nhận thông báo bổ sung người tham gia tố tụng nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi nghị án đúng quy định của pháp luật việc chấp hành pháp luật của chị B đã tuân thủ quy định của pháp luật, của anh T chưa tuân thủ quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B xử cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Giao cho anh T nuôi dưỡng 02 con chung. Chấp nhận tự nguyện của anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Chị B, anh T không có tài sản chung nên không phải giải quyết.

Về nợ: Các đương sự không yêu cầu và không thực hiện nghĩa vụ của người có yêu cầu nên không phải giải quyết.

Về án phí: Buộc chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xảy ra xô xát, chị B thuê nhà ra ở riêng sau đó làm đơn xin ly hôn anh T được Tòa án và gia đình hòa giải chị B đã rút đơn ly hôn, tuy nhiên sau khi rút đơn vợ chồng cũng không đoàn tụ được mà vẫn sống ly thân. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh T kiên quyết xin ly hôn, anh T không muốn đoàn tụ nhưng khi Tòa án triệu tập để Hòa giải và tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt. Điều đó thể hiện việc anh T không còn thiết tha đoàn tụ, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị B, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị B và anh T có 02 con là Bùi Thị Minh A, sinh ngày 13/5/2014 và Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/11/2018 hiện đang ở với anh T. Cháu M có nguyện vọng ở với bố, chị B không muốn tách hai con đề nghị giao hai con cho anh T nuôi. Anh T cũng có ý kiến nếu phải ly hôn anh xin nuôi hai con không yêu cầu chị B cấp dưỡng.

Xét thấy: Để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung, mặt khác hiện tại chị B chưa có chỗ ở ổn định thu nhập bấp bênh do vậy cần chấp nhận nguyện vọng của chị B, anh T giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đồng thời chấp nhận tự nguyện của anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

[4] Về tài sản chung: Chị B cho rằng trong quá trình chung sống anh T có làm ăn nhưng anh T vay tiền chi tiêu vào việc gì chị không biết, anh không bàn bạc với chị, không chấp nhận trả các khoản nợ anh T trình bày.

Anh T trình bày vợ chồng có một số khoản nợ anh vay trong thời kỳ hôn nhân yêu cầu chị B phải giải quyết xong mới ly hôn. Tuy nhiên sau khi anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết công nợ, Tòa án đã triệu tập anh T và yêu cầu cung cấp địa chỉ cụ thể của các cá nhân tổ chức và nộp các tài liệu chứng cứ chứng minh việc vay mượn của vợ chồng thì anh T không đến Tòa cũng không thực hiện các nghĩa vụ đối với người có yêu cầu giải quyết công nợ.

Đối với ông Đ, bà M và anh Nguyễn Anh T ở thôn A xã Đ đã được Tòa án thông báo bổ sung người có quyền lợi liên quan nhưng ông Đ, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết việc liên quan kinh tế giữa ông Đ, bà M và vợ chồng anh T.

Anh Nguyễn Anh T đã nhận các thông báo của Tòa án nhưng không có ý kiến trình bày do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về phân chia công nợ của vợ chồng anh T, chị B. Các đương sự nếu có yêu cầu có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị B là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án dân sự sơ thẩm, theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 35, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án, lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân gia đình Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Bùi Duy T.

2/ Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Thị Minh A, sinh ngày 13/5/2014 và Bùi Thị Quỳnh A, sinh ngày 26/11/2018. Chấp nhận tự nguyện của anh T không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hai bên được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở. Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn được thực hiện theo các Điều 81, 82, 84 và 116 Luật Hôn nhân gia đình.

3/ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4/ Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số **0003305 ngày 04/8/2023** tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng ;
- Cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng;
- UBND xã Đ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

4/ Về án phí: Bà Lành phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền bà Lành đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0003288 ngày 19/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

Các đương sự;

- VKS huyện Đông Hưng;
 - VKSND tỉnh Thái Bình;
 - Thi hành án dân sự Đông Hưng;
 - UBND xã Liên Giang;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

